

## VÀI Ý KIẾN VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU CHỌN VÀ CẢI THIỆN GIỐNG KEO VÀ BẠCH ĐÀN Ở VIỆT NAM

**Nguyễn Xuân Quát**

*Viện Quản lý Rừng bền vững và Chứng chỉ rừng*

### **Tóm tắt**

**Từ khóa:**  
*Chọn giống,  
keo,  
bạch đàn*

Trong vài chục năm qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã công nhận được 91 dòng keo và bạch đàn là các giống mới đã góp phần rất lớn trong việc nâng cao năng suất rừng trồng sản xuất ở nước ta. Tuy nhiên chỉ có 5 – 6 giống mới (BV6, BV16, BV32, BV33, E6, PN14) được đưa vào trồng đại trà, nguyên nhân là hầu hết các giống đó chỉ mới được lựa chọn theo khối lượng gỗ giấy, gỗ dăm mà bỏ qua các tiêu chuẩn về đa dạng hoá sản phẩm (gỗ xẻ, gỗ tinh chế, đồ mộc...) và lại được khảo nghiệm theo mẫu nhỏ trên 1 lập địa mà không có khảo nghiệm mở rộng, không được chuyển giao kỹ thuật đầy đủ và không đủ nguồn giống gốc chuẩn để cung cấp cho sản xuất. Vấn đề đặt ra là phải khắc phục các hạn chế trên, chú ý chọn giống theo hướng đa dạng sản phẩm, đa dạng lập địa, đa dạng loài ngay cả với keo, bạch đàn, nhất là vùng cao và cây bản địa cũng như cây cho lâm sản ngoài gỗ. Đặc biệt phải coi trọng khả năng chống chịu, ngoài tính chống chịu bệnh còn có các tính chống chịu khác như gió bão, úng ngập, khô hạn, mặn kiềm..... và phải kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường các giống mới một cách thường xuyên và có giải pháp điều chỉnh kịp thời, tránh tình trạng công nhận thật nhiều rồi để đó gây tổn kém và lãng phí

### **Some recommendations of acacia and eucalypt breeding programme in Vietnam**

**Keywords:**  
*Tree breeding,  
acacia,  
eucalyptus*

In the last two decades, 91 new advanced-technological varieties were approved by Ministry of Agriculture and Rural development. It has been contributing high increment of plantations in Vietnam. However, only 5 to 6 out of these clones (such as BV10, BV16, BV32, BV33, E6, PN14) were deployed. One reason is that new elite clones were selected by growth rate for pulp and woodchip. Some important traits for high-quality sawnlog and pest and disease resistance were not paid attention. Almost genetic trials were established at 1 site or maybe 2 sites and number of trees per treatment were small as well. After approval of new elite clones, they were not tested in a bigger scale. Propagation technology of these clones were not completed, so original materials of these clones could not meet requirement of Vietnamese growers. We recommended that the breeding program should focus on selection and creation of new varieties for diversified productions. The elite clones will be also tested in many sites. Native species, non-timber forest species and other species of Acacias and Eucalypts will be included in the breeding program for high land areas. In particular some important resistance properties to pest and disease, strong wind, flooding, drought and alkali salty are also counted. In addition, examination, checking, evaluation of social economy and environment of new varieties should be regularly done to find a suitable solution for clonal deployment.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Giống là biện pháp mũi nhọn số một có tác dụng quyết định trong việc nâng cao năng suất rừng trồng. Trong khoảng 20 năm gần đây chúng ta đã có thành công đáng kể trong nghiên cứu chọn và cải thiện giống, đặc biệt là với 2 loài keo và bạch đàn. Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã công nhận được 91 giống tiên bộ kỹ thuật (TBKT) và giống quốc gia. Trong đó về các loài keo có 50 dòng gồm 20 dòng Keo lai tự nhiên, 5 dòng Keo lai nhân tạo, 24 dòng Keo lá tràm và 1 dòng Keo tai tượng; về các loài bạch đàn có 41 dòng gồm 14 dòng Bạch đàn trắng caman, 1 dòng bạch đàn, 13 dòng Bạch đàn lai nhân tạo, 11 dòng Bạch đàn urô PN của Viện Nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy và 2 dòng nhập của Trung Quốc là U6 và GU8. Đó là chưa kể còn có khoảng 7 dòng Keo lai và 8 dòng Bạch đàn lai tự nhiên của đề tài “Khảo nghiệm và nhân giống một số keo lai và bạch đàn lai tự nhiên mới trên một số vùng sinh thái chính (2009 – 2013)” của GS.TS Lê Đình Khả, Viện Cải thiện Giống và Lâm sản cũng đang được đề nghị công nhận giống mới.

Tuy nhiên số giống mới đó được đưa vào và có hiệu quả thực sự trong sản xuất không nhiều, chủ yếu là các dòng keo lai BV10, BV16, BV32, BV33 và bạch đàn U6, PN14. Có 2 câu hỏi đặt ra cần được xem xét là: **tại sao nguồn giống đã được công nhận thì nhiều nhưng ngược lại được đưa vào sản xuất ít như vậy?** và **vậy thì có nên tiếp tục chọn và công nhận thêm giống mới cho 2 loài cây này nữa hay không?** Nhân đây xin nêu vài suy nghĩ đề tham khảo.

**TẠI SAO CÁC GIỐNG MỚI ĐƯỢC CÔNG NHẬN THÌ NHIỀU NHƯNG LẠI ÍT ĐƯỢC ĐƯA VÀO SẢN XUẤT?**

Có rất nhiều nguyên nhân, ở đây chỉ xin thử nêu mấy lý do sau:

1) Các giống mới được công nhận phần lớn chỉ được đánh giá chủ yếu dựa trên khả năng sinh trưởng (khối lượng gỗ) và một phần chất lượng thân cây (định tính) nên chỉ đáp ứng nhu cầu cung cấp nguyên liệu gỗ giấy và gỗ dăm mà không phục vụ được mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm như gỗ xẻ, gỗ tinh chế, gỗ đồ mộc v.v... Theo hướng này gần đây có xem thêm tỷ trọng, mức độ nứt nẻ của thớt gỗ hay 1 số tính chất cơ học vật lý gỗ khác (rất hãn hữu) nhưng cũng chỉ mới bắt đầu trong khi yêu cầu các nhóm gỗ này thì rất cấp bách. Riêng năm 2012 kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam được hơn 4 tỷ đô la Mỹ (Hội thảo quốc tế, TP HCM tháng 03/2013).

2) Cái gọi là giống TBKT theo tiêu chuẩn công nhận giống của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN & PTNT) hiện nay về thực chất cũng chỉ mới được rút ra từ các khảo nghiệm mẫu nhỏ (10 – 15 cây/dòng, lặp 3 – 4 lần) trên một lập địa. Giống quốc gia thì được khảo nghiệm trên 2 lập địa trên lên (ít khi có 3 vùng sinh thái). Theo đó ở trong 1 vùng có biết bao nhiêu dạng lập địa, do vậy giống được công nhận ở dạng này chắc gì có thể trồng được ở dạng lập địa kia nếu không qua khảo nghiệm mở rộng và chuyển giao giống mới cho cả vùng đó. Do vậy không có đủ độ chắc chắn cho mở rộng sản xuất dẫn đến các chủ rừng chỉ biết tiện đâu làm đấy?

3) Việc khảo nghiệm và chuyển giao giống mới mở rộng thực ra cũng được tiến hành nhưng với số lượng giống được khảo nghiệm không nhiều và quy mô không lớn, đến nay mới có khoảng 3 – 4 dự án khảo nghiệm mở rộng và chuyển giao một số giống mới về keo, bạch đàn thực hiện ở Nghĩa Đàn - Nghệ An, Đồng

Hới - Quảng Bình, Đakblao - Đăknông do các Trung tâm của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thực hiện là quá ít. Nếu như không có chỉ đạo, đầu tư, hỗ trợ và khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế kể cả các công ty lâm nghiệp, các chủ trang trại hay hộ trồng rừng, các Trung tâm giống, các Trung tâm khuyến lâm trung ương và địa phương tham gia thì khó có thể cải thiện được tình hình?

4) Việc chuyển giao kỹ thuật nhân giống sinh dưỡng bằng hom và mô các giống mới đã được công nhận cũng chưa được tiến hành một cách bài bản, hệ thống, đầy đủ và nghiêm chỉnh đúng theo các quy trình quy định. Đặc biệt đáng chú ý nhất là việc bảo tồn và cung cấp nguồn giống gốc còn nhiều hạn chế, có không ít nguồn giống được công nhận rồi không có nơi lưu giữ và nuôi cấy mô, thậm chí không có vườn giống để cung cấp hom giống đúng chuẩn cho các vườn chuyên sản xuất cây giống cho trồng rừng.

5) Việc rà soát, kiểm tra, đánh giá nguồn giống mới được công nhận đã được đưa và sản xuất như thế nào? đến đâu? chủng loại, số lượng, chất lượng ra sao? Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường như thế nào? Đã không thực hiện hoặc thực hiện làm quá chậm. Theo đó cũng cần xem xét thêm cả việc chuyển giao kỹ thuật nhân giống và giống gốc, nhất là nguồn giống được lưu giữ và nuôi cấy mô. Trong lúc cả nước chỉ có 5 – 6 cơ sở có khả năng cung cấp nguồn này mà phần lớn mỗi cơ sở cũng chỉ có được vài ba dòng trừ Trung tâm Nghiên cứu Giống cây rừng của Viện KHLN Việt Nam.

**VẬY CÓ NÊN TIẾP TỤC CHỌN VÀ CÔNG NHẬN GIỐNG MỚI CHO KEO VÀ BẠCH ĐÀN NỮA HAY KHÔNG?**

Câu trả lời là nên tiếp tục nhưng cần giải quyết được bài toán là phải làm thế nào?

1) Về các định hướng chọn giống trước hết là cần có giải pháp cụ thể và tích cực để khắc phục các hạn chế đã cản trở trong cả thời gian khá dài làm giảm hiệu quả của gần trăm nguồn giống mới đã được nghiên cứu chọn lựa rất công phu với nhiều tốn kém. Theo đó cần ưu tiên chọn giống và cải thiện giống theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, nhất là cho các chủng loại đồ mộc tinh chế và theo hướng đa dạng lập địa được tiến hành khảo nghiệm mở rộng kết hợp với chuyển giao phát triển đầy đủ và kịp thời.

2) Trong các loài đã được nghiên cứu thì quả thật quá “bất công” là chỉ mới tập trung cho 3 – 5 loài, đó là Keo lai cả tự nhiên và nhân tạo (20 + 5 dòng), Keo lá tràm (*A. auriculiformis*: 24 dòng), và Bạch đàn trắng caman (14 dòng). Trong lúc đó, Keo tai tượng (*A. mangium*) là cây trồng chủ lực, hàng năm đang phải nhập hàng chục tấn giống thì ngoài 3 xuất xứ (Pongaki, Carwell, Iron range) chỉ có 1 dòng (M5) được công nhận. Hoặc Keo lá liềm (*A. crassicarpa*) cũng vậy, chúng đang được trồng rừng tập trung thành công ở nhiều nơi, nhất là ở vùng cát và đồi gò miền Trung; hay một số loài keo chịu hạn (*A. difficilis*, *A. tumada*, *A. turulosa*); Keo vùng cao (*A. mearnsii*, *A. irrorata*, *A. melanoxylon*). Với các loài bạch đàn cũng vậy, có các loài trong nhiều năm “thống trị” ở miền Bắc như Bạch đàn trắng têrê (*E. teretricornis*), Bạch đàn đỏ (*E. robusta*), Bạch đàn liễu (*E. exserta*) do người Pháp đưa vào hoặc ngành lâm nghiệp nhập từ Trung Quốc trước 1975 hay ở miền Nam nhiều loài được thử nghiệm trước giải phóng như *E. grandis*, *E. saligna*, *E.*

*microcorys* ở Tây Nguyên, vùng còn rất “đói” cây trồng cũng là một lỗ trống lớn?

3) Trong các mục tiêu chọn giống gắn với các tính trạng hay tiêu chí chọn lọc giống cũng gần như mới chỉ chú trọng tới một số tính trạng hoặc khảo nghiệm giống ở những điều kiện sinh trưởng và lập địa bình thường. Trong lúc đó đất quy hoạch cho lâm nghiệp để trồng rừng là không như vậy, rất đa dạng mà phần lớn là đất “chó ăn đá gà ăn sỏi”, do đó rất cần có những giống mới có khả năng chịu đựng cao. Vậy mà cho đến nay điểm lại chỉ có 31/90 giống mới được công nhận có khả năng sinh trưởng và chống chịu bệnh tật gồm 3 giống Keo lai tự nhiên AH1, AH7, AH4 (me là Keo lá tràm), 4 giống là Keo lai nhân tạo MA1, AM2, AM3, (MA) M8; 11 giống Bạch đàn trắng SM16, SM23, EF24, EF39, EF55, SM51, SM52, B28, B32, B34, SM7; 13 giống Bạch đàn lai nhân tạo UC1, UC2, UC80, UE3, UE23, UE24, UE33, UE73, CU91, CU75, UE27, CU90, UU8 (Viện KHLN VN - Giới thiệu giống cây trồng lâm nghiệp giai đoạn 2.000 – 2010 ). Như vậy chỉ có tính chống chịu bệnh mới được quan tâm chút ít còn lại hàng loạt tính chống chịu khác như chịu úng ngập, chịu khô hạn, chịu kiềm mặn, chịu gió bão, chịu đất đai thoái hoá .... gần như chưa được nghiên cứu đến ?

4) Về mục đích sử dụng thì sao? Đối với keo và bạch đàn theo hướng đã chọn lọc nhằm để lấy gỗ là hoàn toàn đúng đắn nhưng chưa thực sự đầy đủ nhất là đối với bạch đàn. Bởi lẽ, gần như hoàn toàn quên lãng các giá trị về lâm sản ngoài gỗ của 2 đối tượng này, ngay đối với keo cũng có loại chứa lượng ta nanh rất cao, còn bạch đàn thì rất nhiều loài có chứa lượng tinh dầu cao và rất có giá trị sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp. Đối với các loài tràm cũng vậy, mặc dù đi sau nhưng

gần đây cũng đã có gần 10 giống mới đã được công nhận theo hướng đó, tức là các giống được công nhận đều có hàm lượng tinh dầu cao (Lê Đình Khả, 2012), đó là chưa kể các loài sò (*Camellia sasanqua*) chọn giống theo hướng lấy quả có hàm lượng dầu ăn lớn (Hoàng Văn Thắng, 2012) hay chọn giống Mắc ca (*Macadamia integrifolia*) cho hạt có năng suất cao (Mai Trung Kiên, 2012).

5) Về chủng loại cây nếu không đề cập tới cây bản địa cũng là một thiếu sót lớn mặc dù chủ đề chính ở đây là keo và bạch đàn, tại sao vậy? Bởi vì chỉ tập trung chạy theo cây nhập nội mọc nhanh dù sao cũng sớm cho kết quả đáp ứng được một phần yêu cầu trước mắt nhưng sẽ là rất không bền vững cho cả 3 mặt về kinh tế, xã hội và môi trường. Cây bản địa kể cả những cây lâm sản ngoài gỗ, nhất là cây gỗ lớn việc nghiên cứu chọn và cải thiện giống quả thật là không đơn giản nhưng không thể không được đẩy mạnh để tạo ra sự cân bằng với các loài keo và bạch đàn. Hơn chục năm trở lại đây trong phần lớn đề tài nghiên cứu về kỹ thuật lâm sinh đều có đặt hàng nội dung đầu tiên là “chọn giống” như đối với các cây Sồi phảng, Gáo, Sao đen, Dầu rái, Giổi xanh, Re gừng, Thanh thất, Cóc hành.... nhưng cũng chỉ mới dừng lại ở khảo nghiệm xuất xứ và chọn cây trội mà chưa có giống mới nào được công nhận.

### KẾT LUẬN

Trên đây đã đề cập tới những cái được và chưa được và việc nghiên cứu cải thiện giống keo và bạch đàn ở nước ta, qua đó cho thấy thành quả cũng có nhiều nhưng hạn chế cũng không ít. Nghiên cứu chọn tạo giống cây lâm nghiệp cần phải chú ý đối chiếu với các ý kiến đã nêu ở trên để xem xét một cách kỹ lưỡng hơn, nhất là về các tính chịu đựng (tỷ lệ chết, tỷ lệ tồn tại), khả năng cung cấp nguồn

giống gốc (vườn giống cung cấp vật liệu hom, khả năng lưu giữ và cung cấp giống mô tế bào), điều kiện khảo nghiệm mở rộng và khả năng chuyển giao phát triển

để tránh quá tham vọng và cứ xin công nhận giống được càng nhiều càng tốt mà không tính đến hiệu ích của chúng.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2006). Tiêu chuẩn công nhận giống cây trồng lâm nghiệp 04 TCN 147 – 2006.
2. Hà Huy Thịnh, Lê Đình Khả, Phí Hồng Hải, Nguyễn Đức Kiên, Đoàn Thị Mai, Trần Hồ Quang (2011). Chọn tạo giống và nhân giống cho một số cây trồng rừng chủ yếu, tập 3 – Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Lê Đình Khả (2012). Báo cáo sơ kết đề tài Khảo nghiệm và nhân giống một số giống keo lai và bạch đàn lai tự nhiên mới ở Việt Nam.
4. Lê Đình Khả (2012). Báo cáo xin công nhận giống keo lai và bạch đàn lai tự nhiên mới.
5. Viện Khoa học Lâm nghiệp VN (2011). Giới thiệu giống cây trồng lâm nghiệp giai đoạn 2000 – 2010.
6. Viện Nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy (2011). Chức năng nhiệm vụ, tiềm lực, lĩnh vực nghiên cứu và thành tựu.